

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11 /2017/KDTM-PT

Ngày 06 tháng 9 năm 2017

V/v “Tranh chấp hợp đồng gia công”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Tấn

Các Thẩm phán: Ông Lê Hồng Nước

Ông Trần Phước Hội

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Văn Thân - Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 06/9/2017, tại trụ sở TAND tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2017/TLPT-KDTM ngày 29/6/2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng gia công”.

Do bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2017/KDTM-ST ngày 16/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 186/2017/QĐ-PT ngày 26/7/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 200/QĐ-PT ngày 24/8/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Công ty cổ phần A.

Trụ sở: Phường N, Quận A, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật là ông Phạm Hàng H - Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1989. Địa chỉ: đường B, Quận K, Tp. Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 28/8/2017). (có mặt)

2. *Bị đơn*: Công ty cổ phần thủy sản B.

Trụ sở: phường Đ, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật là ông Võ Minh K - Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Đặng Hiền S, sinh năm 1964. Địa chỉ: đường P, Phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (văn bản ủy quyền ngày 12/4/2017). (có đơn xin vắng mặt)

Ông Lê Thành T, sinh năm 1978. Địa chỉ: thị trấn Q, huyện N, tỉnh Bình Định, là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (văn bản ủy quyền ngày 31/7/2017). (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn Công ty cổ phần A, người đại diện theo ủy quyền là chị Phạm Thị H trình bày:

Ngày 14/01/2013, Công ty cổ phần A ký hợp đồng số 01/GCNL với Công ty cổ phần thủy sản Hùng Hậu), theo hợp đồng Công ty cổ phần B nhận nuôi gia công cá tra cho Công ty cổ phần thủy sản B sản lượng mỗi tháng khoảng 1.500 tấn, giá 5.200đ/kg (tính gia công).

Số lượng cá Công ty cổ phần A giao cho Công ty cổ phần thủy sản B

khoảng 1.100 tấn, tổng số tiền nợ gia công nuôi cá từ ngày 14/01/2013 đến ngày 31/12/2013 là 5.509.000.000 đồng. Công ty cổ phần thủy sản B thanh toán cho Công ty cổ phần A nhiều lần (không rõ mấy lần), lần thanh toán cuối cùng vào ngày 30/10/2014 số tiền 200.000.000 đồng và không thanh toán tiếp.

Đến ngày 31/12/2014 giữa Công ty cổ phần A với Công ty cổ phần thủy sản B đối chiếu xác nhận công nợ thống nhất Công ty cổ phần thủy sản B còn nợ Công ty cổ phần A số tiền 1.144.213.009 đồng (có biên bản đối chiếu công nợ).

Từ khi xác nhận công nợ đến nay Công ty cổ phần thủy sản B không có thanh toán cho Công ty cổ phần A.

Nên, Công ty cổ phần A yêu cầu Công ty cổ phần thủy sản B thanh toán số tiền nợ gia công nuôi cá 1.144.213.009 đồng và lãi phát sinh tạm tính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 01/12/2016 là 23 tháng, mức lãi 1,125%/tháng cụ thể: $1.144.213.009đ \times 1,125\% \times 23 \text{ tháng} = 296.065.116 \text{ đồng}$.

Tổng cộng vốn và lãi: 1.440.278.125 đồng. Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

- Bị đơn Công ty cổ phần thủy sản B, người đại diện theo ủy quyền ông Đặng Hiền S trình bày:

Công ty cổ phần thủy sản B có ký hợp đồng số 01/GCNL ngày 14/01/2013 về việc gia công nuôi cá tra với Công ty cổ phần A, theo hợp đồng không thỏa thuận thời gian nuôi bao lâu, chỉ thỏa thuận trọng lượng cá, hệ số thức ăn (có nghĩa là Công ty B cung cấp thức ăn cho Công ty cổ phần A trong suốt thời gian nuôi, khi cá đủ trọng lượng sẽ cân số lượng tương đương với số lượng thức ăn đã cung cấp), tiền công nuôi mỗi ký là 5.200 đồng, số lượng cá mà Công ty cổ phần A giao cho Công ty cổ phần thủy sản B mỗi tháng khoảng 1.500 tấn.

Tổng số lượng cá mà Công ty cổ phần A giao cho Công ty cổ phần thủy sản B bao nhiêu thì không nhớ rõ, nhưng tổng kết đến ngày 11/6/2014 thì Công ty cổ

phần thủy sản B phải trả cho Công ty cổ phần A số tiền gia công là 2.889.015.156 đồng.

Sau khi tổng kết Công ty cổ phần thủy sản B đã thanh toán cho Công ty cổ phần A nhiều đợt như sau:

- Ngày 11/6/2014 thanh toán 595.125.310 đồng.
- Ngày 27/6/2014 thanh toán 593.889.846 đồng.
- Ngày 04/7/2014 thanh toán 700.000.000 đồng.

Theo biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ ngày 31/12/2014 thì xác định Công ty cổ phần thủy sản B còn nợ tiền gia công của Công ty cổ phần A là 1.144.213.009 đồng.

Ông Đặng Hiền S đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần thủy sản B đồng ý trả cho Công ty cổ phần A số tiền nợ là 1.144.213.009 đồng, nhưng yêu cầu Công ty cổ phần A không tính lãi. Ngoài ra, không còn ý kiến gì khác.

Tại bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2017/KDTM-ST ngày 16/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty cổ phần A về việc yêu cầu Công ty cổ phần thủy sản B thanh toán nợ tiền gia công 1.144.213.009 đồng và lãi phát sinh tạm tính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 01/12/2016 là 23 tháng, mức lãi 1,125%/tháng cụ thể: $1.144.213.009 \text{ đồng} \times 1,125\% \times 23 \text{ tháng} = 296.065.116 \text{ đồng}$. Tổng cộng vốn, lãi là: 1.440.278.125 đồng.

Buộc Công ty cổ phần thủy sản B trả cho Công ty cổ phần A số tiền nợ gia công 1.144.213.009 đồng và tiền lãi 296.065.116 đồng. Tổng cộng vốn, lãi là: 1.440.278.125 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, quyền và thời hạn kháng cáo.

Ngày 31/5/2017 Công ty cổ phần thủy sản B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, cho rằng: Tòa án sơ thẩm áp dụng pháp luật không đúng; Thời hiệu khởi kiện đã hết; Không đồng ý trả tiền cho Công ty cổ phần A 1.440.278.125 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Lê Thành T là người đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần thủy sản B rút một phần kháng cáo, đồng ý trả nợ cho Công ty cổ phần A số tiền là 1.144.123.009 đồng, nhưng vẫn giữ nguyên kháng cáo đối với bản án sơ thẩm về không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của Công ty cổ phần A.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến, quan điểm của Viện kiểm sát về tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử công khai, đúng trình tự thủ tục tố tụng, các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung và quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi đánh giá các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm nêu quan điểm như sau:

Tại phiên tòa ông Lê Thành T, đại diện cho Công ty cổ phần thủy sản B rút một phần kháng cáo và đồng ý trả số tiền nợ 1.144.213.009 đồng cho Công ty cổ phần A, đây là sự tự nguyện của đương sự không trái với quy định của pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Đối với việc không đồng ý trả lãi của Công ty cổ phần thủy sản B là không phù hợp với quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại, nên yêu cầu của Công ty cổ phần A là có căn cứ theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự, kháng cáo của Công ty cổ phần thủy sản B là không có cơ sở, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần thủy sản B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát Tỉnh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2] Về thẩm quyền: Tòa án nhân dân thành phố S xác định yêu cầu của Công ty cổ phần A tranh chấp hợp đồng gia công với Công ty cổ phần thủy sản B theo khoản 6 Điều 31 của Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy định của pháp luật.

Về kháng cáo của Công ty cổ phần thủy sản B cho rằng: Tòa án sơ thẩm áp dụng pháp luật không đúng; Thời hiệu khởi kiện đã hết; Không đồng ý trả nợ cho Công ty cổ phần A là 1.440.278.125 đồng, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu của Công ty cổ phần A, Hội đồng xét xử xét thấy là không có cơ sở, Bồi lẽ:

[3] Ngày 14/01/2013 Công ty cổ phần thủy sản B có ký hợp đồng nuôi gia công cá tra nguyên liệu số 01/GCNL với Công ty cổ phần A. Trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty cổ phần A đã chuyển giao cá tra thành phẩm và Công ty cổ phần thủy sản B đã chuyển trả tiền cho Công ty cổ phần A là 1.889.015.156 đồng mà các bên đương sự đã thừa nhận, theo biên bản đối chiếu xác nhận công nợ ngày 31/12/2014, hai bên thống nhất các điều khoản trong hợp đồng cũng như nội dung biên bản đối chiếu xác nhận công nợ, Công ty cổ phần thủy sản B đồng ý thanh toán cho Công ty cổ phần A số tiền nợ gia công nuôi cá là 1.144.213.009 đồng. Như vậy, đã chứng minh được hợp đồng nuôi gia công cá tra nguyên liệu giữa Công ty cổ phần thủy sản B với Công ty cổ phần A là có thật và còn nợ khoản tiền nói trên phù hợp theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần thủy sản B đồng ý trả số tiền còn nợ theo biên bản đối chiếu công nợ ngày

31/12/2014 là 1.144.213.009 đồng, nhưng yêu cầu Công ty cổ phần A không tính lãi, nhưng không được Công ty cổ phần A chấp nhận, có nghĩa là các bên đương sự còn tranh chấp về lãi suất chậm thanh toán.

[4] Đối với Công ty cổ phần A yêu cầu Công ty cổ phần thuỷ sản B phải trả lãi do chậm thanh toán tiền nợ gia công theo quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại 2005, tính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 01/12/2016 là 23 tháng, mức lãi 1,125%/tháng cụ thể: $1.144.213.009 \text{ đồng} \times 1,125\% \times 23 \text{ tháng} = 296.065.116 \text{ đồng}$. Xét thấy, việc yêu cầu của Công ty cổ phần A có một phần cơ sở, vì yêu cầu trả lãi trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền, nhưng phải áp dụng theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 mới đúng, đối với việc tính lãi suất của các bên đương sự phải được xem xét điều chỉnh lại không vượt quá 20% năm, trong trường hợp này các bên không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp, thì được xác định bằng 50% mức lãi suất được giới hạn, có nghĩa là 10%/năm của khoản tiền nợ tương đương 0,83%/tháng cụ thể như sau: $1.144.213.009 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 23 \text{ tháng} = 218.430.263 \text{ đồng}$. Như vậy, Công ty cổ phần thuỷ sản B có nghĩa vụ trả lãi cho Công ty cổ phần A với số tiền là 218.430.263 đồng, cùng với số tiền nợ 1.144.213.009 đồng, tổng cộng 1.362.643.272 đồng là có căn cứ. Do điều chỉnh lại số tiền lãi theo quy định, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố S.

[5] Ngoài ra, Công ty cổ phần thuỷ sản B còn kháng cáo cho rằng thời hiệu khởi kiện vụ án đã hết theo quy định tại Điều 319 của Luật Thương mại là hai năm kể từ thời điểm quyền và lợi ích của mình bị xâm phạm, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm các bên đương sự không tranh chấp về thời hiệu, cũng như các bên đương sự đã thừa nhận còn nợ với nhau chưa thanh toán và theo hợp đồng gia công hai bên ký không quy định về thời hạn. Công ty cổ phần A yêu cầu trả số tiền còn nợ và lãi mà Công ty cổ phần thuỷ sản B đã thừa nhận, nên kháng cáo của Công ty cổ

phần thủy sản B không có căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Lê Thành T đại diện của Công ty cổ phần thủy sản B rút một phần kháng cáo, giữ nguyên phần kháng cáo không đồng ý trả lãi cho Công ty cổ phần A, xét thấy việc rút một phần kháng cáo của Công ty cổ phần thủy sản B là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến đề nghị chấp nhận việc rút một phần đơn kháng cáo của Công ty cổ phần thủy sản B là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty cổ phần thủy sản B, sửa bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2017/KDTM-ST ngày 16/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Do bản án sơ thẩm bị sửa, nên Công ty cổ phần thủy sản B không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự và phần án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm được điều chỉnh lại theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147; khoản 2 Điều 148 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 179; 180; 181; 182; 183 của Luật Thương mại;

Căn cứ Điều 357; 468; 688 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty cổ phần thủy sản B.

Sửa bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2017/KDTM-ST ngày 16/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn Công ty cổ phần A đối với Công ty cổ phần thủy sản B phải thanh toán tiền nợ gia công và lãi phát sinh tạm tính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 01/12/2016 là 23 tháng, tổng cộng 1.362.643.272 đồng (trong đó nợ là 1.144.213.009 đồng, lãi 218.430.263 đồng).

Buộc Công ty cổ phần thủy sản B trả cho Công ty cổ phần A số tiền nợ gia công 1.144.213.009 đồng và lãi 218.430.263 đồng. Tổng cộng là 1.362.643.272 đồng.

Kể từ ngày Công ty cổ phần A có đơn yêu cầu thi hành án mà Công ty cổ phần thủy sản B chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357; 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí kinh doanh thương mại:

Công ty cổ phần thủy sản B phải chịu 52.879.298 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty cổ phần thủy sản B không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 300.000 đồng theo biên lai số 13642 ngày 01/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S.

Công ty cổ phần A được nhận lại tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 27.604.000 đồng, theo biên lai thu số 06462 ngày 02/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- TAND thành phố S;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP.S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thanh Tấn